

lập thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc các huyện Cẩm Mỹ, Trảng Bom:

Huyện Thống nhất có 24.720 ha diện tích tự nhiên và 142.606 nhân khẩu, có 10 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Xuân Thiện, Xuân Thạnh, Bàu Hàm II, Gia Tân I, Gia Tân II, Gia Tân III, Gia Kiệm, Quang Trung, Lộ 25, Hưng Lộc.

Địa giới hành chính huyện Thống Nhất: Đông giáp thị xã Long Khánh; Tây giáp huyện Trảng Bom; Nam giáp các huyện Long Thành, Cẩm Mỹ; Bắc giáp huyện Định Quán.

- Huyện Xuân Lộc còn lại 72.679 ha diện tích tự nhiên và 194.965 nhân khẩu, có 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Trường, Xuân Thành, Xuân Hiệp, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Thọ, Xuân Bắc, Suối Cao, Suối Cát, Bảo Hòa, Lang Minh và thị trấn Gia Ray.

Địa giới hành chính huyện Xuân Lộc: Đông giáp tỉnh Bình Thuận; Tây giáp thị xã Long Khánh và huyện Cẩm Mỹ; Nam giáp huyện Cẩm Mỹ và các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận; Bắc giáp huyện Định Quán và tỉnh Bình Thuận.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và 9 huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ và Trảng Bom.

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

*Thủ tướng*

PHAN VĂN KHẢI

## CÁC BỘ

*BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ*

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ số 20/2003/QĐ-BKHCN ngày 31/7/2003 về việc ban hành “Quy định phân loại sản xuất, lắp ráp ô tô”.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa năm 1999;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 175/2002/QĐ-TTg ngày 03/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;*

*Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 82/TB-VPCP ngày 16/6/2003;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân loại sản xuất, lắp ráp ô tô”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế cho Quyết định số 17/TĐC-QĐ ngày 17/02/1992, Quyết định số 182/TĐC-QĐ ngày 13/8/1994, Quyết định số 176/TĐC-QĐ ngày 18/7/1995 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

**Điều 3.** Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng  
Bộ Khoa học và Công nghệ  
Thủ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

## QUY ĐỊNH phân loại sản xuất, lắp ráp ô tô

*(ban hành kèm theo Quyết định số 20/2003/QĐ-BKHCN ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).*

### 1. Quy định chung

1.1. Quy định này áp dụng cho các doanh nghiệp được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và cấp phép hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp ô tô ở Việt Nam.

1.2. Lắp ráp ô tô là việc sử dụng toàn bộ các linh kiện hoàn toàn mới để lắp ráp ô tô các loại theo thiết kế, mang nhãn hiệu trong nước hoặc nước ngoài, phù hợp các quy định hiện hành về quản lý chất lượng, sở hữu công nghiệp, chuyên giao công nghệ và các quy định liên quan khác của pháp luật.

### 1.3. Giải thích thuật ngữ:

1.3.1. *Ô tô* là phương tiện cơ giới đường bộ có kết cấu và đặc tính kỹ thuật được quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6211:1996 - Phương tiện giao thông đường bộ - kiểu - thuật ngữ và định nghĩa (hoặc Tiêu chuẩn Việt Nam bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn này).

1.3.2. *Linh kiện* được hiểu là các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận để lắp ráp thành ô tô hoàn chỉnh.

1.3.3. *Linh kiện nội địa hóa* là linh kiện được sản xuất, chế tạo trong nước thay thế phần nhập khẩu.

1.3.4. Lắp ráp CKD là việc sử dụng các linh kiện đồng bộ từ nguồn nhập khẩu để lắp ráp thành ô tô hoàn chỉnh.

1.3.5. Lắp ráp IKD là việc sử dụng các linh kiện không đồng bộ từ nguồn nhập khẩu và các linh kiện nội địa hóa để lắp ráp thành ô tô hoàn chỉnh.

1.3.6. Tỷ lệ nội địa hóa của ô tô là tỷ lệ phần trăm của linh kiện nội địa hóa so với ô tô hoàn chỉnh.

1.3.7. Tỷ lệ nội địa hóa mục tiêu là tỷ lệ nội địa hóa cần phải đạt được trong từng thời kỳ, được quy định tại Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 175/2002/QĐ-TTg ngày 03/12/2002, cụ thể như sau:

- Về loại xe phổ thông: đạt tỷ lệ nội địa hóa 40% vào năm 2005 và đạt 60% vào năm 2010 (riêng động cơ phần đầu đạt tỷ lệ nội địa hóa 50% và hộp số đạt 90%).

- Về loại xe chuyên dùng: đạt tỷ lệ nội địa hóa 40% vào năm 2005 và đạt 60% vào năm 2010.

- Về các loại xe cao cấp: các loại xe du lịch do các liên doanh sản xuất phải đạt tỷ lệ nội địa hóa 20 - 25% vào năm 2005 và 40 - 45% vào năm 2010. Xe buýt cao cấp đạt tỷ lệ nội địa hóa 20% vào năm 2005 và 35 - 40% vào năm 2010.

## 2. Yêu cầu đối với loại hình lắp ráp ô tô CKD

2.1. Loại hình lắp ráp ô tô CKD phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Thân ô tô: Rời thành từng mảng, chưa hàn, tán, chưa sơn tĩnh điện. Trường hợp đặc biệt phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Khung ô tô: Đã liên kết với nhau và chưa sơn tĩnh điện. Đối với khung xe có chiều dài từ 3,7 m trở lên, được phép sơn tĩnh điện trước khi nhập khẩu.

- Động cơ: Hoàn chỉnh và có thể lắp liền với bộ ly hợp và hộp số.

- Hệ thống truyền động: Đã hoặc chưa lắp cùng với hệ thống phanh.

- Hệ thống điện, đèn và tiện nghi: Hệ thống dây điện, bảng điện, đèn và tiện nghi trong ô tô để rời.

2.2. Phụ lục 1, 2, 3, 4 là các ví dụ minh họa về mặt kết cấu mức độ rời rạc của các linh kiện theo loại hình lắp ráp CKD đối với ô tô các loại. Trường hợp các linh kiện có kết cấu khác thì không tính đến khi xác định loại hình.

## 3. Yêu cầu đối với loại hình lắp ráp ô tô IKD:

Loại hình lắp ráp ô tô IKD có mức độ rời rạc của các linh kiện giống như loại hình lắp ráp CKD nhưng có một phần linh kiện nội địa hóa.

Các doanh nghiệp cần phải phấn đấu đạt được tỷ lệ nội địa hóa mục tiêu nói tại mục 1.3.7 nói trên. Các biện pháp khuyến khích và quản lý thích hợp để thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện mục tiêu này sẽ do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định và ban hành.

#### 4. Phương pháp xác định tỷ lệ nội địa hóa

Tỷ lệ nội địa hóa được xác định theo công thức:  $N = Z - I$

Trong đó:

- N là tỷ lệ nội địa hóa của ô tô.
- Z = 100%, là tỷ lệ giá trị của ô tô hoàn chỉnh.
- I là tỷ lệ phần trăm (%) của tổng giá trị linh kiện nhập khẩu.

Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tỷ lệ phần

trăm giá trị các linh kiện đồng bộ của từng loại ô tô trong một văn bản khác.

#### 5. Tổ chức thực hiện

Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tổ chức hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định này tại các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô./.

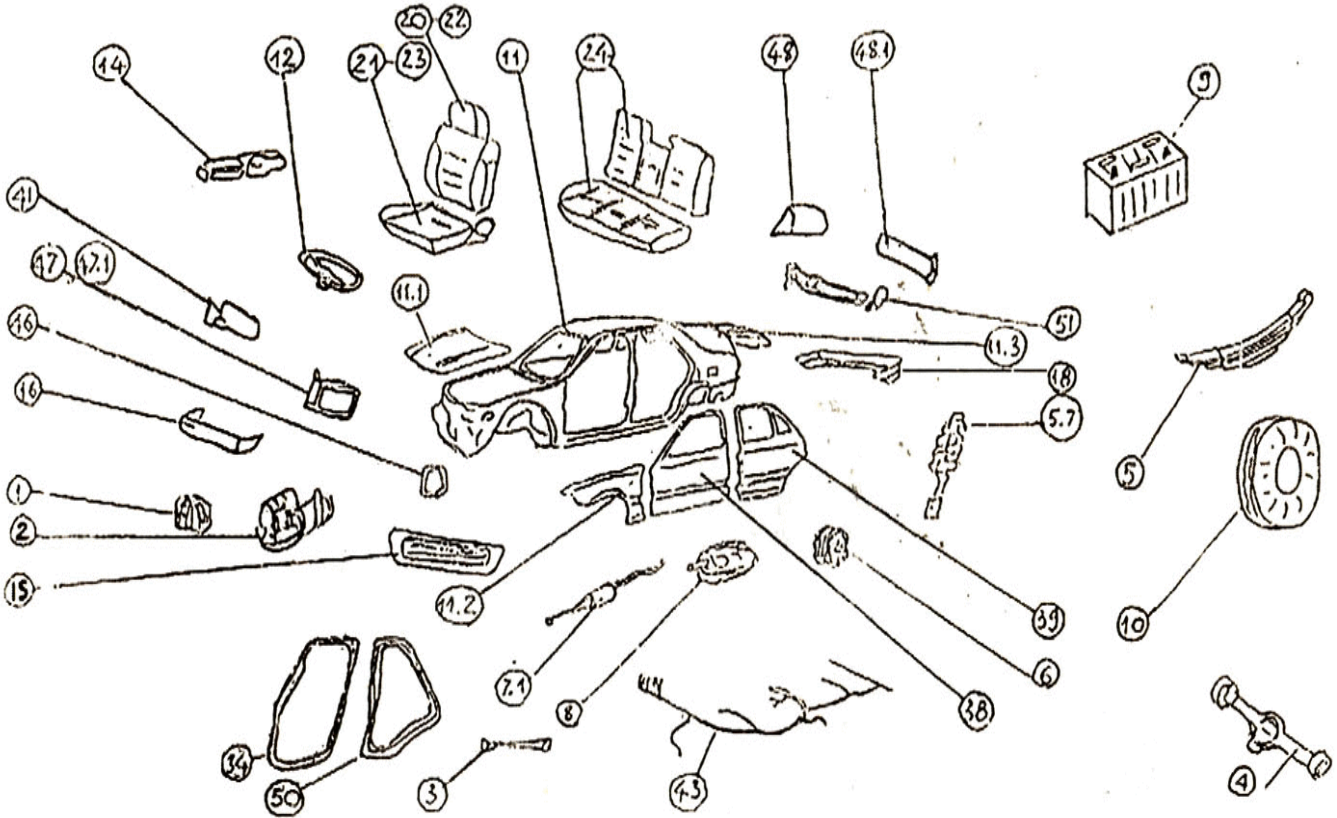
KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học và Công nghệ

*Thủ trưởng*

**BÙI MẠNH HẢI**

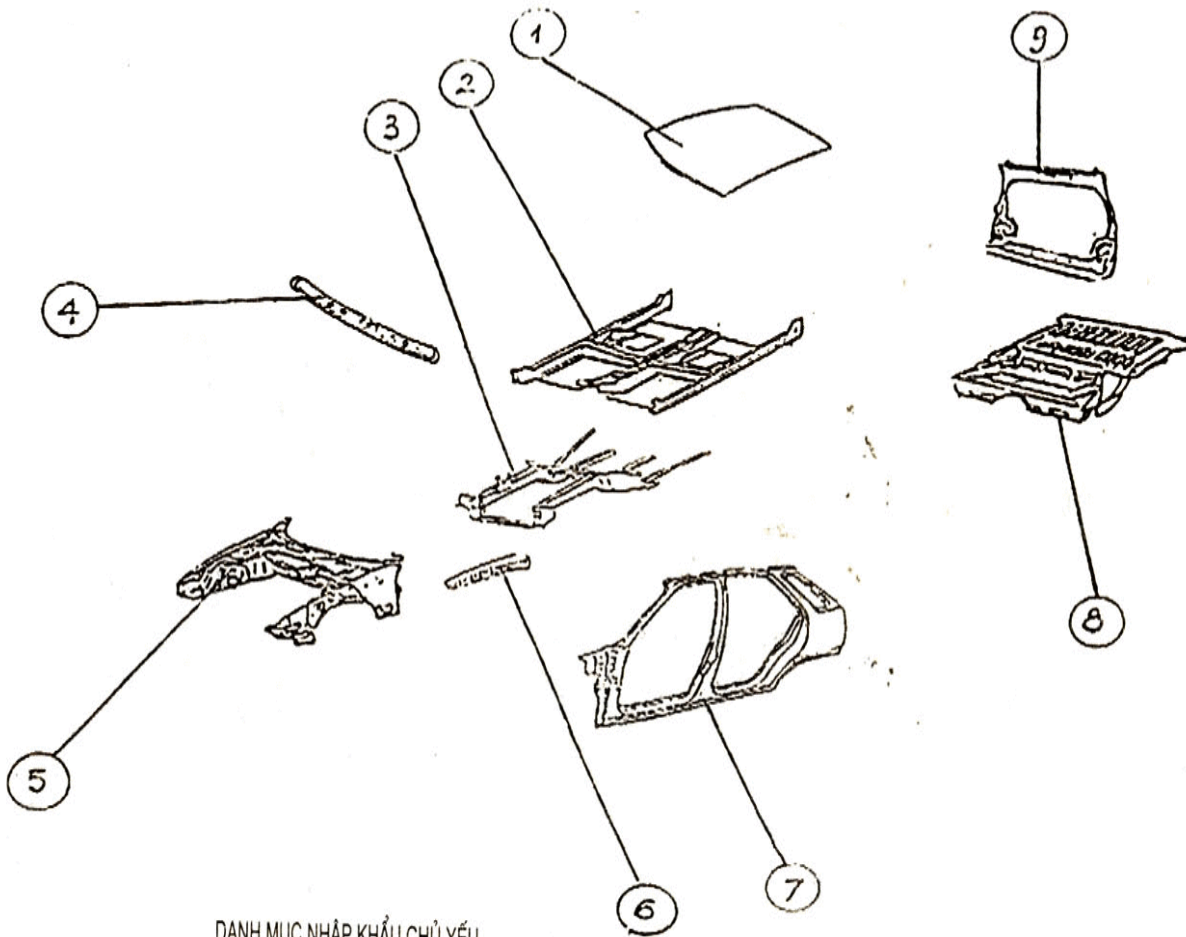
Phụ lục 1: HÌNH VẼ MINH HỌA MỨC ĐỘ RỜI RẠC CÁC LINH KIỆN Ô TÔ CON  
THEO LOẠI HÌNH CKD



DANH MỤC NHẬP KHẨU CHỦ YẾU

TT	Danh mục	Tên cụm và linh kiện	10	5.5	Bu lông bắt nhíp	20	8	Thùng nhiên liệu	30	12	Vỏ lạng lái	40	38	Cửa trước	50	50	Gioăng cửa sau
1	1	Kết nước	11	5.6	Quang nhíp	21	8.1	Già đồ thùng	31	13	Tấm che kết nước	41	39	Cửa sau	51	51	Cụm cầu trước
2	2	Cụm động cơ - hộp số	12	5.7	Bộ giảm sóc ống	22	8.2	Đai kẹp thùng	32	15	Chân bảo hiểm trước	42	41	Gương bên phải	52	-	Bộ bu lông - ốc
3	3	Cụm trục các đăng	13	6	Vành bánh xe	23	8.3	Cụm ống dẫn	33	18	Chân bảo hiểm sau	43	41.1	Gương bên trái			
4	4	Cụm cầu sau	14	6.1	Vành chặn	24	9	Ắc quy	34	20	Lưng ghế phụ	44	43	Hệ thống dây điện			
5	5	Bộ lá nhíp	15	6.2	Tanh hãm	25	10	Lốp - Xăm - Lót xăm	35	21	Đệm ghế phụ	45	44	Bảng điện			
6	5.1	Bộ nhíp trước	16	7	Đoạn trước ống xả	26	11	Cụm thân xe-Khung xe	36	22	Lưng ghế lái xe	46	16	Cụm đèn pha			
7	5.2	Bộ nhíp sau	17	7.1	Bình giảm thanh	27	11.1	Nắp dây mũi xe	37	23	Đệm ghế lái xe	47	47 & 47.1	Đèn tín hiệu trước			
8	5.3	Bạc ắc nhíp	18	7.2	Đoạn sau ống xả	28	11.2	Tấm che cạnh xe	38	24	Đệm khách	48	48 & 48.1	Đèn tín hiệu sau			
9	5.4	Đệm nhíp	19	7.3	Bu lông kẹp ống nối	29	11.3	Nắp sau xe	39	34	Gioăng cửa trước	49		Đèn soi biển số			

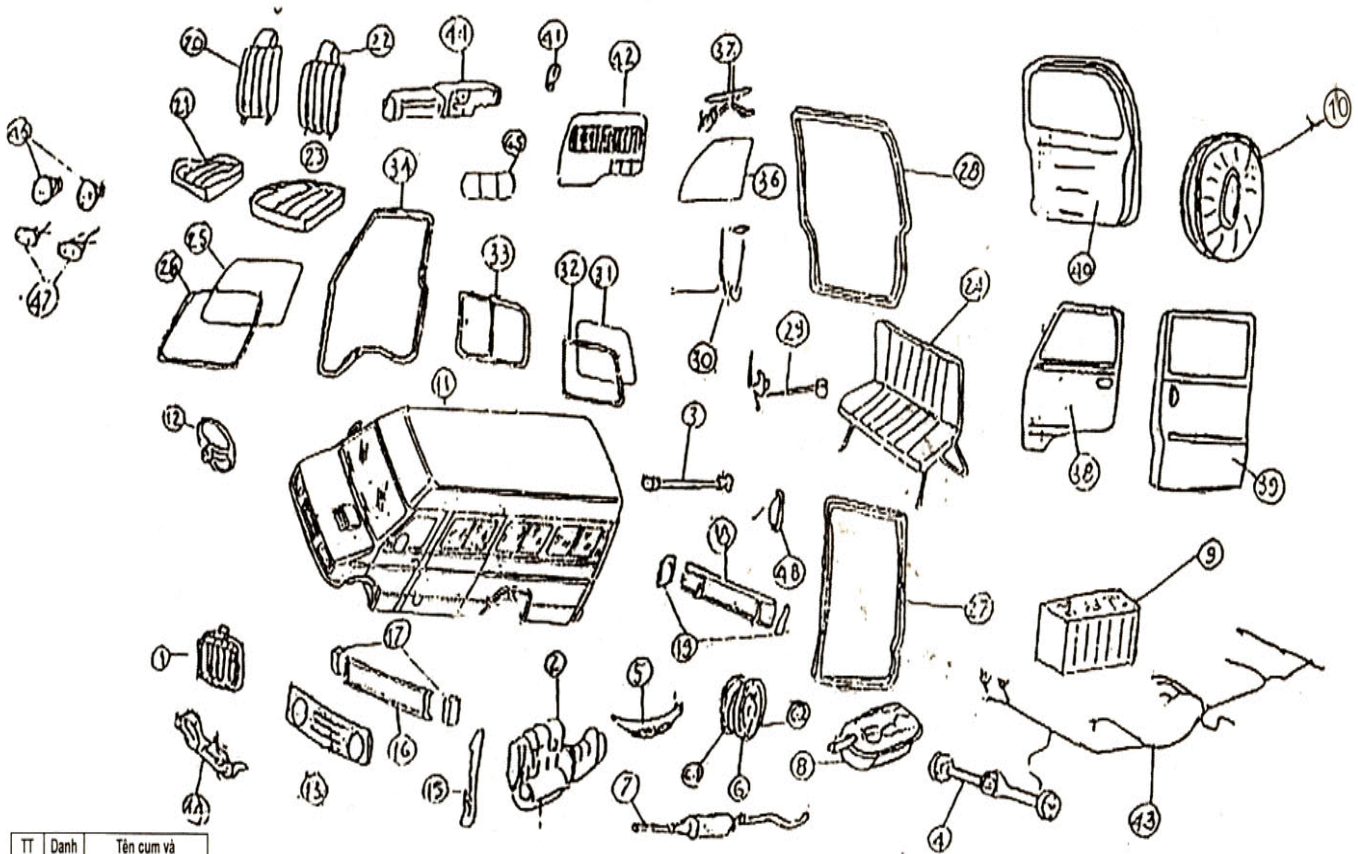
HÌNH VẼ MINH HỌA MỨC ĐỘ RỜI RẠC CỦA CỤM THÂN XE - KHUNG XE  
 Ô TÔ CON THEO LOẠI HÌNH CKD



DANH MỤC NHẬP KHẨU CHỦ YẾU

TT	Danh mục	Tên cụm và linh kiện
1	11.1	Nóc cabin
2	11.2	Tấm sàn trước
3	11.3	Khung đỡ sàn trước
4	11.4	Riềm chân nóc xe
5	11.5	Khung trước
6	11.6	Thanh dờ
7	11.7	Tấm cạnh hai bên
8	11.8	Sàn sau
9	11.9	Khung cửa sau

**Phụ lục 2: HÌNH VẼ MINH HỌA MỨC ĐỘ RỜI RẠC CÁC LINH KIỆN ÔTÔ MINIBUS  
THEO LOẠI HÌNH CKD**

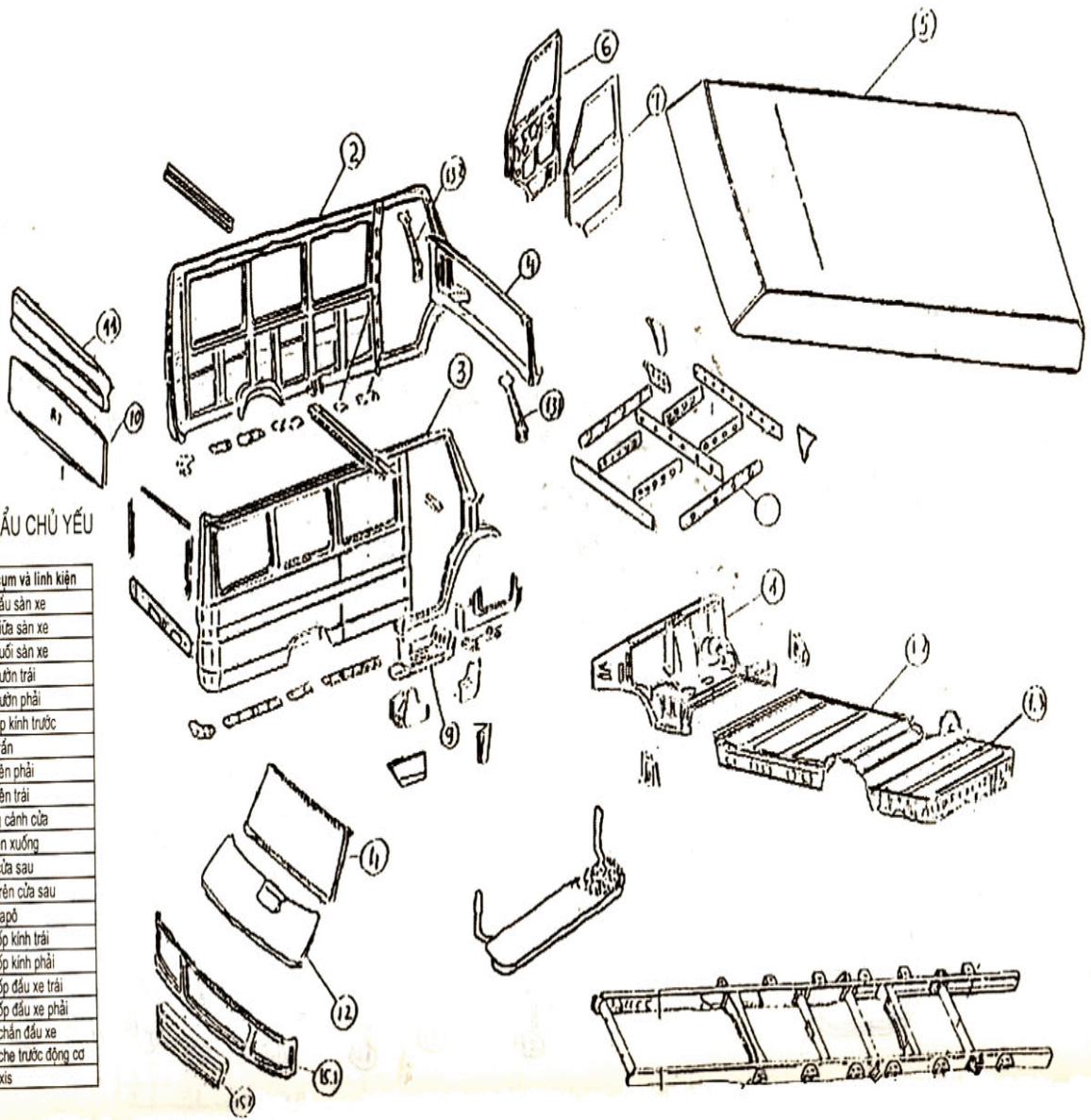


TT	Danh mục	Tên cụm và linh kiện
1	1	Két nước
2	2	Cụm đồng cơ - hộp số
3	3	Cụm trục các đăng
4	4	Cụm cầu sau
5	5	Bô lá nhíp
6	5.1	Bô nhíp trước
7	5.2	Bô nhíp sau
8	5.3	Bạc ác nhíp
9	5.4	Đệm nhíp
10	5.5	Bu lông bắt nhíp
11	5.6	Quang nhíp
12	5.7	Bộ giảm sóc ống
13	6	Vành bánh xe
14	6.1	Vành chân
15	6.2	Tanh hãm
16	7	Đoạn trước ống xả
17	7.1	Bình giảm thanh
18	7.2	Đoạn sau ống xả
19	7.3	Bu lông kẹp ống nối

**DANH MỤC NHẬP KHẨU CHỦ YẾU**

20	8	Thùng nhiên liệu	30	15	Bọc má trước thân xe	40	27	Gioăng cửa đáy	50	39	Cửa sau
21	8.1	Giá đỡ thùng	31	15	Chân bảo hiểm trước	41	28	Gioăng cửa hâu	51	40	Cửa gập sau xe
22	8.2	Đai kẹp thùng	32	17&19	Nối chân bảo hiểm	42	29&30	Bộ khóa cửa	52	41&41.1	Gương bên phải, trái
23	8.3	Cụm ống dẫn	33	18	Chân bảo hiểm sau	43	31	Kính chéo sau	53	42	Tám dây trong cửa
24	9	Ắc quy	34	20	Lưng ghế phụ	44	32	Gioăng kính sau	54	43	Hệ thống dây điện
25	10	Lốp - Xâm - Lót xâm	35	21	Đệm ghế phụ	45	33	Kính dầy cạnh	55	44	Bảng điện
26	11	Cụm thân xe-Khung xe	36	22	Lưng ghế lái xe	46	34	Gioăng cửa kính	56	45	Cụm đồng hồ
27	12	Vỏ lạng lái	37	23	Đệm ghế lái xe	47	36	Kính cửa trước	57	46	Cụm đèn pha
28	13	Tấm che két nước	38	25	Kính trước	48	37	Gương kính trước	58	47	Đèn tín hiệu trước
29	14	Dàn ngang	39	26	Gioăng kính trước	49	38	Cửa trước	59	48	Đèn tín hiệu sau
									60	49	Đèn soi biển số
									61	-	Bu lông, ốc, vít

HÌNH VẼ MINH HỌA MỨC ĐỘ RỜI RẠC CỦA CỤM THÂN XE - KHUNG XE  
 ÔTÔ MINIBUS THEO LOẠI HÌNH CKD

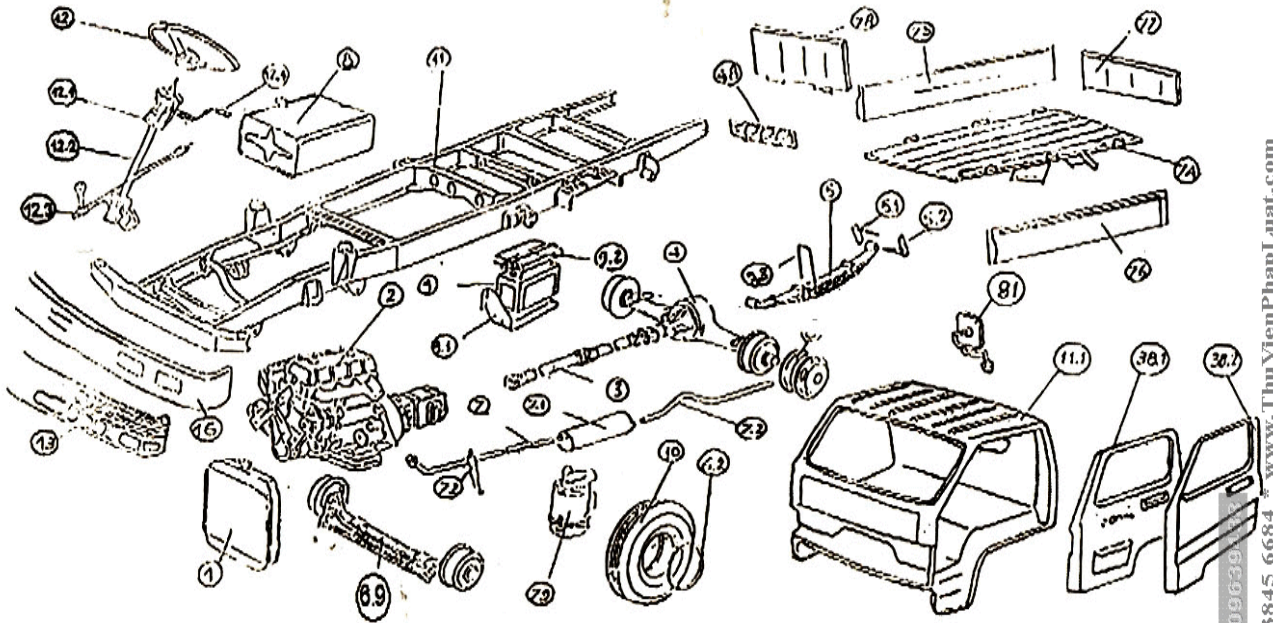


DANH MỤC NHẬP KHẨU CHỦ YẾU

TT	Danh mục	Tên cụm và linh kiện
1	1.1	Tấm đầu sàn xe
2	1.2	Tấm giữa sàn xe
3	1.3	Tấm cuối sàn xe
4	2	Tấm sườn trái
5	3	Tấm sườn phải
6	4	Tấm ốp kính trước
7	5	Tấm trần
8	6	Cửa bên phải
9	7	Cửa bên trái
10	8	Khung cánh cửa
11	9	Bậc lên xuống
12	10	Tấm cửa sau
13	11	Tấm trên cửa sau
14	12	Nắp capô
15	13.1	Tấm ốp kính trái
16	13.2	Tấm ốp kính phải
17	14.1	Tấm ốp đầu xe trái
18	14.2	Tấm ốp đầu xe phải
19	15.1	Tấm chắn đầu xe
20	15.2	Tấm che trước động cơ
21	16	Chassis



Phụ lục 3: HÌNH VẼ MINH HOẠ MỨC ĐỘ RỜI RẠC CÁC LINH KIỆN Ô TÔ THƯƠNG MẠI  
THEO LOẠI HÌNH CKD



TT	Danh mục	Tên cụm và linh kiện
1	1	Két nước
2	2	Cụm động cơ - hộp số
3	3	Cụm trục các đăng
4	4	Cụm cầu sau
5	5	Bộ lá nhíp
6	5.1	Càng treo nhíp
7	5.2	Càng đỡ nhíp
8	5.3	Quang nhíp
9	6	Vành bánh xe
10	6.1	Vành chặn
11	6.2	Tanh hãm
12	7	Đoạn trước ống xả
13	7.1	Bình giảm thanh
14	7.2	Đoạn sau ống xả
15	8	Thùng nhiên liệu
16	9	Ắc quy
17	9.1	Giá đỡ ắc quy
18	9.2	Nắp đậy bình ắc quy
19	10	Lốp - Xăm - Lót xăm

DANH MỤC NHẬP KHẨU CHỦ YẾU

20	11	Khung xe
21	11.2	Cabin
22	12	Vỏ lạng lái
23	12.1	Vỏ hộp bọc tay lái
24	12.2	Trục lái - Hộp lái
25	12.3	Đòn lái dọc
26	12.4	Tay điều khiển
27	13	Tấm che két nước
28	16	Chân bảo hiểm trước
29	20	Lưng ghế phụ

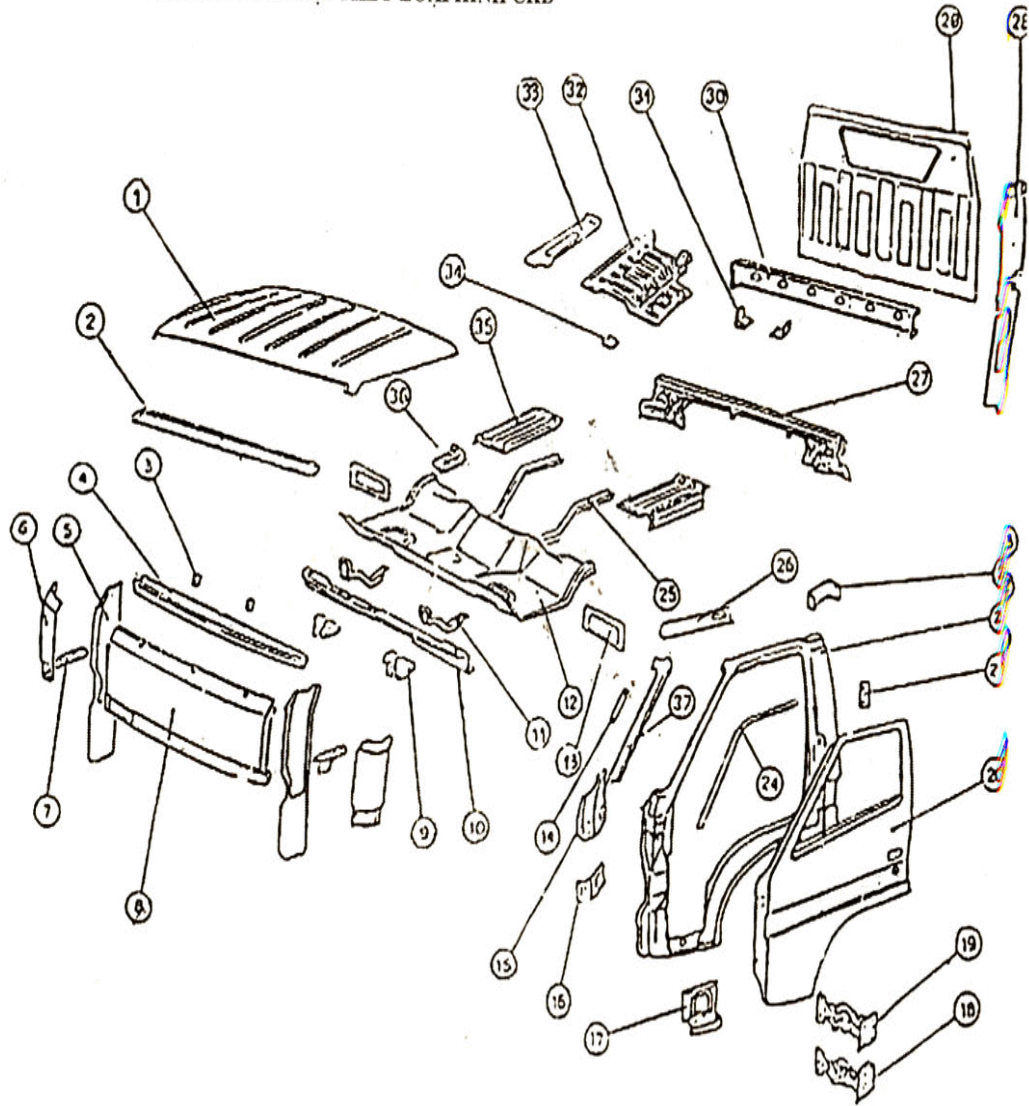
30	21	Đệm ghế phụ
31	22	Lưng ghế lái xe
32	23	Đệm ghế lái xe
33	25	Bộ kính cửa
34	26	Bộ gioăng cửa
35	30	Bộ khóa cửa
36	38.1	Cửa bên phải
37	38.2	Cửa bên trái
38	40	Cụm đèn pha
39	48	Cụm đèn tín hiệu

40	50	Cụm đồng hồ
41	69	Cụm cầu trước
42	72	Giảm xóc
43	74	Sàn thùng xe
44	75	Thành phải thùng xe
45	76	Thành trái thùng xe
46	77	Thành sau thùng xe
47	78	Thành trước
48	79	Bầu lọc khí động cơ
49	81	Cụm gương trước
50	-	Bộ bu lông, ốc, vít

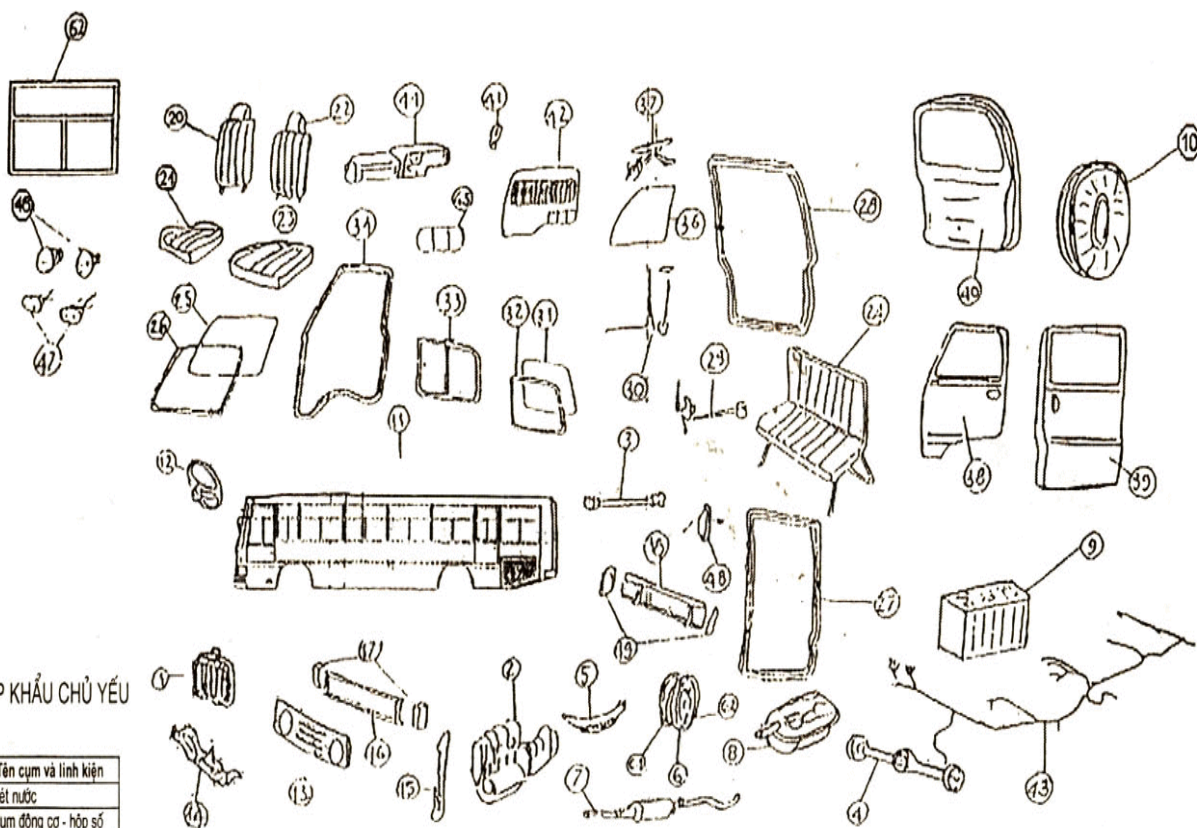
HÌNH VẼ MINH HỌA MỨC ĐỘ RỜI RẠC CỦA CỤM THÂN XE (PHẦN CABIN)  
 ÔTÔ THƯƠNG MẠI THEO LOẠI HÌNH CKD

DANH MỤC NHẬP KHẨU CHỦ YẾU

TT	Danh mục	Tên cụm và linh kiện
1	11.1	Mũi xe
2	11.2	Riêm dính mũi xe
3	11.3	Đế gạt nước
4	11.4	Riêm trước mũi xe
5	11.5	Tấm cạnh A
6	11.6	Giá đỡ phía trước
7	11.7	Thanh nội
8	11.8	Tấm chắn
9	11.9	Tai đỡ thanh ngang
10	11.10	Thanh ngang
11	11.11	Xóc đỡ
12	11.12	Tấm sàn
13	11.13	Tấm chắn
14	11.14	Chốt hãm
15	11.15	Tấm đỡ trên
16	11.16	Tấm đỡ dưới
17	11.17	Miếng nối cửa
18	11.18	Bản lề dưới
19	11.19	Bản lề trên
20	11.20	Tấm ngoài cánh cửa
21	11.21	Miếng nối
22	11.22	Thân cánh cửa
23	11.23	Móc treo cánh cửa
24	11.24	Tấm cạnh cánh cửa
25	11.25	Thanh đỡ dưới
26	11.26	Ke nối
27	11.27	Dầm
28	11.28	Tấm cạnh B
29	11.29	Tấm lưng vỏ xe
30	11.30	Tấm đỡ lưng vỏ xe
31	11.31	Móc treo tấm lưng
32	11.32	Đế
33	11.33	Giá đỡ
34	11.34	Đệm
35	11.35	Bạc lên xuống
36	11.36	Ke đỡ
37	11.37	Thanh giằng



Phụ lục 4: HÌNH VẼ MINH HỌA MỨC ĐỘ RỜI RẠC CÁC LINH KIỆN Ô TÔ BUS  
THEO LOẠI HÌNH CKD



DANH MỤC NHẬP KHẨU CHỦ YẾU

TT	Danh mục	Tên cụm và linh kiện
1	1	Két nước
2	2	Cụm động cơ - hộp số
3	3	Cụm trục các đăng
4	4	Cụm cầu sau
5	5	Bộ lá nhíp
6	5.1	Bộ nhíp trước
7	5.2	Bộ nhíp sau
8	5.3	Bạc ác nhíp
9	5.4	Đòn nhíp
10	5.5	Bu lông bắt nhíp
11	5.6	Quang nhíp
12	5.7	Bộ giảm sóc ống
13	6	Vành bánh xe
14	6.1	Vành chân
15	6.2	Tanh hãm
16	7	Đoạn trước ống xả
17	7.1	Bình giảm thanh
18	7.2	Đoạn sau ống xả
19	7.3	Bu lông kẹp ống nối

20	8	Thùng nhiên liệu
21	8.1	Giá đỡ thùng
22	8.2	Đai kẹp thùng
23	8.3	Cụm ống dẫn
24	9	Ắc quy
25	10	Lốp - Xăm - Lót xăm
26	11	Cụm vỏ xe - Khung xe
27	12	Vỏ lạng lái
28	13	Tấm che két nước
29	14	Dàn ngang

30	15	Bọc má trước vỏ xe
31	15	Chân bảo hiểm trước
32	17&19	Nổi chân bảo hiểm
33	18	Chân bảo hiểm sau
34	20	Lưng ghế phụ
35	21	Đệm ghế phụ
36	22	Lưng ghế lái xe
37	23	Đệm ghế lái xe
38	25	Kính trước
39	26	Gioăng kính trước

40	27	Gioăng cửa đẩy
41	28	Gioăng cửa hậu
42	29&30	Bộ khóa cửa
43	31	Kính chéo sau
44	32	Gioăng kính sau
45	33	Kính đẩy cạnh
46	34	Gioăng cửa kính
47	36	Kính cửa trước
48	37	Gương kính trước
49	38	Cửa trước

50	39	Cửa sau
51	40	Cửa gập sau xe
52	41&41.1	Gương bên phải, trái
53	42	Tấm dầy trong cửa
54	43	Hệ thống dây điện
55	44	Bảng điện
56	45	Cụm đồng hồ
57	46	Cụm đèn pha
58	47	Đèn tín hiệu trước
59	48	Đèn tín hiệu sau
60	49	Đèn soi biển số
61	-	Bộ bu lông, ốc, vít
62	-	Cửa số

HÌNH VẼ MINH HỌA CỤM THÂN XE - KHUNG XE ĐÃ ĐƯỢC HÀN, TÁN, DỰNG  
TỪ CÁC LOẠI THÉP TÂM, THÉP HÌNH CỦA ÔTÔ BUS THEO LOẠI HÌNH CKD

